

PATH TO THE FUTURE

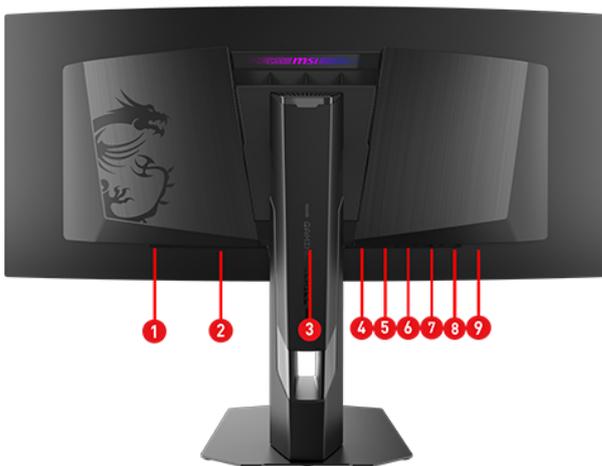
The MSI MPG 341CQR QD-OLED X36 Gaming Monitor, 34 inches of stunning QD-OLED, 3440x1440 (UWQHD) and 360Hz for ultra-smooth visuals. Perfect for competitive gamers seeking immersion. Upgrade your setup—check out now and game on!



Picture and logos

SELLING POINTS

- Tấm nền QD-OLED thế hệ thứ 5 mới nhất - Bố cục sub-pixel RGB Stripe mới cho hình ảnh sắc nét hơn
- DarkArmor Film - Mang lại màu đen sâu hơn 40% và bề mặt màn hình có khả năng chống trầy xước cao hơn 2.5 lần
- Uniform Luminance - Tùy chỉnh đường cong HDR, cho phép cá nhân hóa HDR và tận hưởng trải nghiệm HDR mượt mà, đồng đều
- MSI OLED Care 3.0 - AI Care Sensor giúp giảm nguy cơ lưu ảnh / burn-in trên OLED
- Hình ảnh HDR ấn tượng - Chuẩn VESA DisplayHDR True Black 500
- Độ sáng đỉnh 1300 nits - Mang đến trải nghiệm HDR vượt trội với độ sáng tối đa 1300 nits
- Đảm bảo độ chính xác màu sắc đạt chuẩn thị trường - Delta E ≤ 2
- Chuyển động siêu rõ nét - Chứng nhận VESA ClearMR 18000
- Bảo hành burn-in 3 năm - Bao gồm cả hiện tượng burn-in OLED



1. Kensington Lock
2. AC-in
3. 5-way Joystick Navigator
4. Headphone-out
5. 2x HDMI™ 2.1 (UWQHD@360Hz)
6. DisplayPort 2.1a (UHBR13.5)
7. Type-C (DP alt.) w/ 98W PD
8. USB 2.0 Type-B
9. 2x USB 2.0 Type-A

SPECIFICATION

Model	SKU Number	9S6-3DE29A-001
	Entity MKT Name	MPG 341CQR QD-OLED X36
	Part No	9S6-3DE29A-001
	Color	ID1/Black-Black
Display	Screen Size	34" (86.36 cm)
	Active Display Area (mm)	800.06(H) x 337.06(V)
	Curvature	Curve 1800R
	Panel Type	QD-OLED
	Resolution	3440x1440 (UWQHD)
	Pixel pitch (mm)	0.2315(H)x0.2315(V)
	Aspect Ratio	21:9
	Dynamic Refresh Rate technology	Adaptive-Sync
	Dynamic Refresh Rate Activated Range	48~360Hz
	HDR (High dynamic range)	VESA DisplayHDR True Black 500
	SDR Brightness (nits)	300
	HDR Brightness (Peak nits)	1300
	Contrast Ratio	1500000:1
	Signal Frequency	30~596.2 KHz(H) / 48~360 Hz(V)
	Refresh Rate	360Hz
	Response Time (GTG)	0.03ms
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	121.3%/94.2%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	105.4%/92.3%
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	139.1%/100%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	148.8%/100%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	119.2%/97.8%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	109.7%/99.1%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	110.8%/99.3%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	109.7%/99.1%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	139.1%/100%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	148.8%/100%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	80.7%/80.7%
Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	78.7%/78.7%	
Surface Treatment	Anti-Reflection	
Display Colors	1.07B	
Color bit	10 bits	
I/O Ports	USB Type C (DisplayPort Alternate)	1
	Headphone-out	1
	USB 3.2 Gen 1 Type A	2
	USB 3.2 Gen 1 Type B	1
	Lock type	Kensington Lock
	HDMI	2
	HDMI version	2.1
	HDMI HDCP version	2.3
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	2.1a (UHBR13.5)
	DisplayPort HDCP version	2.3
Warranty	Warranty	36M
Power	Power Type	Internal Power Board
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	On-mode Power Consumption (KWh/1000h)	32
	Annual Energy Consumption (KWh)	32
	Standby-mode Power Consumption (W)	0.5
	Off-mode Power Consumption (W)	0.3
	Energy Efficiency Rating	F
Power Cord Type	C13	

In The Box	DisplayPort Cable	1
	HDMI Cable	1
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	1
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	3.5mm Mic Cable	0
	Power Cord	1
	AC Adaptor	0
	Quick Guide	1
	Warranty Card	0
Mouse Bungee Unit	0	
Design	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 15°
	Adjustment (Swivel)	-30° ~ 30°
	Adjustment (Height)	0 ~ 110 mm
	Adjustment (Pivot)	-10° ~ 10°
	VESA Mounting	100x100mm
Dimension & Weight (product)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	812.83 x 228.30 x 543.08
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	812.83 x 118.54 x 372.09
	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	235.48 x 228.30 x 408.30
	Weight (Net kg)	7.77
	Weight Without Stand (kg)	5.2
Dimension & Weight (box)	Inside Carton Dimension (WxDxH) (cm)	99.5 x 20 x 50.5
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (cm)	101.8 x 21.4 x 52.5
	Weight (Gross kg)	13.49
Barcode Info	EAN	4711377404099